TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 763/2020/QĐST-HNGĐ	*HN, ngày* 30 *tháng* 12 *năm* 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 628/2020/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa:

1. ***Nguyên đơn***: ***Ông Trần Hữu H***, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Số 7 ngách 327/6 phố VTP, phường KĐ, quận TX, thành phố HN;

2. ***Bị đơn***: ***Bà Nguyễn Thùy L***, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Số 7, ngách 327/6 phố VTP, phường KĐ, quận TX, thành phố HN;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1.1**.** ***Nguyên đơn***: ***Ông Trần Hữu H***, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Số 7 ngách 327/6 phố VTP, phường KĐ, quận TX, thành phố HN;

1.2. ***Bị đơn***: ***Bà Nguyễn Thùy L***, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Số 7 ngách 327/6 phố VTP, phường KĐ, quận TX, thành phố HN;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Trần Hữu H và bà Nguyễn Thùy L thuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con: ông Trần Hữu H và bà Nguyễn Thùy L có 02 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 30.8.2013 và Trần Hữu M, sinh ngày 30.9.2018;

Giao cả hai con chung cho bà Nguyễn Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Hữu H cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thùy L 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 1.2021 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Trần Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Ông Trần Hữu H và bà Nguyễn Thùy L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hữu H chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của bà Nguyễn Thùy L phải chịu, tổng án phí của vụ án là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại biên lai số 0000771 ngày 05.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố HN. Ông Trần Hữu H được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND nơi đăngký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố HN).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).